

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 759/2026/DS-PT
Ngày: 08-6-2026
V/v: “tranh chấp hợp
đồng góp hui”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Chiến

Các Thẩm phán:

- + Bà Phạm Thị Hồng Vân;
- + Bà Lê Thị Bích Tuyên.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Mạnh Hùng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mộng Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 và 08 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 797/2025/TLPT-DS ngày 17 tháng 11 năm 2025, về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hui”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2025/DS-ST, ngày 29-08-2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Tây Ninh có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 368/2026/QĐXX-PT, ngày 18 tháng 04 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trương Thị C, sinh năm 1950; trú tại: Ấp K, xã V, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

Bị đơn: Bà Trần Thị C1, sinh năm 1971; trú tại: Ấp K, xã V, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng L – luật sư Văn phòng L1 thuộc Đoàn luật sư tỉnh T, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Võ Thị Kim T, sinh năm 1994; trú tại: Ấp Ô, xã V, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

- Ông Nguyễn Thái H, sinh năm 1989; trú tại: Ấp K, xã V, tỉnh Tây Ninh, có mặt.
- Ông Phạm Lâm S, sinh năm 1994; trú tại: Ấp K, xã V, tỉnh Tây Ninh, có mặt.
- Ông Phạm Hùng C2, sinh năm 1979; trú tại: Ấp Ô, xã V, tỉnh Tây Ninh, có mặt.
- Bà Phạm Thị Kim R, sinh năm 1982; trú tại: Ấp X, xã V, tỉnh Tây Ninh, có đơn xin vắng mặt.
- Bà Trần Thị N (T1), sinh năm 1975; trú tại: Ấp L, xã P, tỉnh Vĩnh Long, có đơn xin vắng mặt.

Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1972; trú tại: Ấp K, xã V, tỉnh Tây Ninh, có đơn xin vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Bà Trần Thị C1 là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trương Thị C trình bày:

Bà Trương Thị C làm đầu thảo nhiều dây hội có bà Trần Thị C1 tham gia, bà C1 đã hót hội nhưng không đóng hội chết nên bà C khởi kiện yêu cầu bà C1 trả cho bà C tiền nợ hội của 08 dây hội với tổng số tiền 1.189.420.000 đồng. Các dây hội cụ thể như sau:

Dây 1: Dây hội tháng 2.000.000 đồng, mỗi tháng mở hội 1 lần, mở lần đầu ngày 10/02/2020 âm lịch. Bà C1 tham gia 01 phần và bà C1 nói ghi 01 phần nữa tên Trần Thị R1. Bà C giao 01 tờ giấy “Tổ hùn vốn” và kèm theo tờ danh sách ghi 39 thành viên tham gia hội (trong danh sách bà C1 số 32 và bà R1 (Tèo) số 30). Bà C1 đóng cả 02 phần được 02 lần thì ngày 10/04/2020 bà C1 hót và nói hót dùm phần hội của bà R1 nên bà C gom hội và giao cho bà C1 số tiền 46.130.000 đồng. Bà C1 đóng cả 02 phần được 05 lần thì ngày 10/9/2020 bà C1 hót phần hội của bà C1 và bà C giao cho bà C1 số tiền 47.650.000 đồng. Hai lần hót hội, bà C1 đều ký tên vào 02 tờ giấy nhận tiền hội do bà C ghi. Sau đó, bà C1 đóng hội chết cả 2 phần hiện còn 4 lần hội chết chưa đóng là 16.000.000 đồng (hội mẫn).

Dây 2: Dây hội tháng 2.000.000 đồng, mỗi tháng mở hội 1 lần, mở lần đầu ngày 06/12/2020 âm lịch. Bà C1 tham gia 01 phần và bà C1 nói ghi 04 phần nữa tên Trần Thị R1 01 phần, H 02 phần và Phạm Hùng C2 01 phần. Bà C giao 01 tờ giấy “Tổ hùn vốn” và kèm theo tờ danh sách ghi 41 thành viên tham gia hội (trong danh sách bà C1 số 5; H số 6, 7; Reo số 22 và C2 số 23). Bà C1 đóng cả 05 phần được 03 lần thì ngày 06/03/2021

bà C1 hốt phần hui của bà R1 và bà C giao cho bà C1 số tiền 49.100.000 đồng. (Bà C có cho bà C1 ký tên vào biên nhận nhưng ghi nhầm trong biên nhận là ngày 06/03/2020). Bà C1 đóng hui tiếp cả 05 phần thì ngày 06/7/2021, bà C1 hốt phần của H và bà C giao cho bà C1 số tiền là 48.200.000 đồng. (Bà C có cho bà C1 ký tên vào biên nhận nhưng ghi nhầm 06/07/2020). Ngày 06/8/2021, bà C1 hốt phần hui của C2 và bà C giao cho bà C1 số tiền 49.100.000 đồng. (Bà C ghi nhầm biên nhận ngày 06/8/2020). Ngày 06/9/2021, bà C1 hốt phần của bà C1 và bà C giao cho bà C1 số tiền 52.340.000 đồng. (Bà C ghi nhầm biên nhận ngày 06/9/2020). Ngày 06/11/2021, bà C1 hốt phần của H và bà C giao cho bà C1 số tiền 52.600.000 đồng. (Bà C ghi nhầm trong biên nhận là ngày 06/11/2020). Năm lần hốt hui, bà C1 đều ký tên vào 05 tờ giấy nhận tiền hui do bà C ghi. Sau đó, bà C1 đóng hui chết cả 5 phần (được 23 phần) hiện còn 18 phần hui chết chưa đóng số tiền 180.000.000 đồng (hui ngưng).

Dây 3: Dây hui vự 10.000.000 đồng, một năm mở hui 3 lần (tháng 02, tháng 06 và tháng 10), mở lần đầu ngày 06/02/2021 âm lịch. Bà C1 tham gia 01 phần. Bà C giao 01 tờ giấy “Tổ hùn vốn” và kèm theo tờ danh sách ghi 21 thành viên tham gia hui (trong danh sách bà C1 số 06). Bà C1 đóng được 04 lần đến lần thứ 05 tức ngày 06/6/2021 thì hốt hui và bà C giao cho bà C1 số tiền 111.000.000 đồng. Bà C1 có ký tên vào tờ giấy nhận tiền hui do bà C ghi. Sau đó, bà C1 không đóng hui chết hiện còn 16 phần hui chết chưa đóng cho bà C là 160.000.000 đồng (hui ngưng).

Dây 4: Dây hui tháng 2.000.000 đồng, mỗi tháng mở hui 1 lần, mở lần đầu ngày 25/8/2021 âm lịch. Bà C1 tham gia 01 phần. Bà C giao 01 tờ giấy “Tổ hùn vốn” và kèm theo tờ danh sách ghi 34 thành viên tham gia hui (trong danh sách bà C1 số 17). Bà C1 đóng được 02 lần đến lần thứ 03 tức ngày 25/10/2021 hốt hui và bà C giao cho bà C1 số tiền 36.340.000 đồng. Bà C1 có ký tên vào tờ giấy nhận tiền hui do bà C ghi. Sau đó, bà C1 có đóng hui chết và hiện còn 19 phần hui chết chưa đóng số tiền 38.000.000 đồng (hui ngưng).

Dây 5: Dây hui tháng 5.000.000 đồng, mỗi tháng mở hui 1 lần, mở hui lần đầu ngày 25/9/2021 dương lịch. Bà C1 tham gia 02 phần (01 phần tên bà C1 và 01 phần tên H). Bà C giao 01 tờ giấy “Tổ hùn vốn” và kèm theo danh sách ghi 18 thành viên tham gia hui (trong danh sách bà C1 số 13 và H số 14). Bà C1 hốt 01 phần đầu tiên và bà C giao số tiền 55.780.000 đồng. Ngày 25/10/2021 bà C1 hốt 01 phần nữa và bà C giao số tiền 57.600.000 đồng. Hai lần hốt hui, bà C1 có ký tên vào 02 tờ giấy nhận tiền hui do bà C ghi. Sau đó, bà C1 có đóng hui chết và hiện còn nợ 4 lần hui chết chưa đóng là 40.000.000 đồng (hui ngưng).

Dây 6: Dây hụi vụ 10.000.000 đồng, một năm mở hụi 3 lần (tháng 2, tháng 6 và tháng 10) mở lần đầu ngày 06/06/2022 âm lịch. Bà C1 tham gia 01 phần. Bà C giao 01 tờ giấy “Tổ hùn vốn” và kèm theo tờ danh sách ghi 18 thành viên tham gia hụi (trong danh sách bà C1 số 11). Bà C1 hốt đầu tiên và bà C giao cho bà C1 số tiền 86.940.000 đồng. Bà C1 có ký tên vào tờ giấy nhận tiền hụi do bà C ghi. Sau đó, bà C1 không đóng hụi chết hiện còn 17 lần hụi chết chưa đóng số tiền 170.000.000 đồng (hụi ngưng).

Dây 7: Dây hụi tháng 3.000.000 đồng, mỗi tháng mở 1 lần, hụi mở lần đầu ngày 15/7/2022 âm lịch. Bà C1 tham gia 01 phần. Bà C giao 01 tờ giấy “Tổ hùn vốn” và kèm theo tờ danh sách ghi 30 thành viên tham gia hụi (trong danh sách bà C1 số 3). Bà C1 hốt đầu tiên và bà C giao cho bà C1 số tiền 58.160.000 đồng. Bà C1 có ký tên vào tờ giấy nhận tiền hụi do bà C ghi. Sau đó, bà C1 không đóng hụi chết hiện còn nợ 29 phần hụi chết chưa đóng số tiền 87.000.000 đồng (hụi ngưng).

Dây 8: Dây hụi tháng 2.000.000 đồng, mỗi tháng mở hụi 1 lần. Mở hụi lần đầu vào ngày 20/07/2020 âm lịch, bà C1 tham gia 01 phần và bà C1 đưa bà C ghi vào danh sách 05 người tham gia chơi hụi là T, S, H, Sao, T1 (N). Mỗi thành viên tham gia hụi được giao 01 tờ giấy “Tổ hùn vốn” ngày 20/07/2020 và kèm theo tờ danh sách ghi 44 thành viên tham gia hụi. Mỗi tháng bà C1 trực tiếp đóng tiền hụi cho bà C 6 phần gồm phần bà C1 và 5 phần là T, S, H, Sao, T1 (N). Sau đó, bà C1 đã hốt hụi hết 6 phần hụi trên, cụ thể:

Ngày 20/10/2020, bà C1 bỏ hụi và nói hốt dùm phần hụi của bà S1 số tiền là 54.920.000 đồng; Ngày 20/02/2021, bà C1 bỏ hụi và hốt phần hụi của bà C1 số tiền là 71.200.000 đồng; Ngày 20/04/2021, bà C1 bỏ hụi và nói hốt dùm phần hụi của T số tiền là 57.120.000 đồng; Ngày 20/07/2021, bà C1 bỏ hụi và nói hốt dùm phần hụi của H số tiền là 57.100.000 đồng; Ngày 20/12/2021, bà C1 bỏ hụi và nói hốt dùm phần hụi của N (T1) số tiền là 71.200.000 đồng; Ngày 20/01/2022, bà C1 bỏ hụi và nói hốt dùm phần hụi của S số tiền là 66.080.000 đồng. Các lần giao tiền hụi cho bà C1 bà C có yêu cầu bà C1 ký tên vào tờ giấy nhận tiền hụi do bà C ghi nội dung.

Tổng cộng bà C đã giao cho bà C1 số tiền hụi của 5 người bà C1 đã hốt thay là 306.420.000 đồng. Vì tin tưởng bà C1 nói hốt hụi dùm cho T, S, H, Sao, T1 (N) nên bà C gom và giao tiền hụi cho bà C1 để đưa cho những người này, nhưng bà C1 không đưa mà sử dụng riêng, dây hụi này đóng được 28 lần đến lần thứ 29 (ngày 20/11/2022) thì bà C ngưng không mở hụi nữa. Hiện nay những người đã đóng đến lần thứ 28 (hụi sống) yêu cầu bà C trả lại số tiền hụi mà họ đã đóng. Cho nên, ngoài số tiền bà C1 đã hốt hụi của 5 người với số tiền 306.420.000 thì bà C còn yêu cầu bà C1 còn phải đóng hụi chết

16 lần của 5 phần với số tiền 160.000.000 đồng (2.000.000 đồng x 16 lần x 5 phần = 160.000.000 đồng), cộng là 466.420.000 đồng (306.420.000 đồng + 160.000.000 đồng).

Riêng bà C1 tham gia 01 phần hội và đã hót ngày 20/02/2022 số tiền 71.200.000 đồng thì bà C yêu cầu bà C1 phải đóng lại 16 lần hội chết cho bà, mỗi tháng 2.000.000 đồng với số tiền 32.000.000 đồng.

Tổng cộng dây hội trên bà C yêu cầu bà C1 phải giao trả lại số tiền 498.420.000 đồng (466.420.000 + 32.000.000 đồng) để bà C trả cho những người mà bà C thiếu nợ tiền hội, không yêu cầu tính lãi suất.

- Bị đơn bà Trần Thị C1 trình bày ý kiến và có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn:

Bà Trần Thị C1 có tham gia một số dây hội do bà C làm đầu thảo là đúng nhưng số tiền hội còn nợ bà C không phải như tổng số tiền bà C khởi kiện. Bà cho rằng chỉ tham gia tổng cộng 07 dây hội do bà C làm đầu thảo, trong đó đã hót 05 dây hội còn 02 dây hội chưa hót, đồng ý có nợ tiền hội chết tổng số tiền 274.000.000 đồng và đồng ý trả cho bà C.

Bà C1 có yêu cầu phản tố đối với bà C, yêu cầu và C trả lại tiền hội sống của 2 dây hội bà tham gia chưa hót với số tiền là 82.000.000 đồng.

Cụ thể các phần hội như sau:

- Đối với dây hội thứ nhất trong đơn khởi kiện mở ngày 10/02/2020 âm lịch, hội tháng 2.000.000 đồng, có 39 phần. Bà C1 chỉ tham gia 01 phần tên C1 và đã hót dây hội này nhưng không nhớ hót lần thứ mấy, còn nợ lại 4 lần hội chết chưa đóng với số tiền 8.000.000 đồng. Lý do bà C tự ngưng dây hội này. Đối với phần hội của bà Trần Thị R1 (em ruột bà C1) thì bà C1 không có mượn tên bà R1 để chơi. Bà R1 tự tham gia dây hội này với bà C mà không liên quan đến bà.

- Đối với dây hội thứ 2 trong đơn khởi kiện của bà C mở ngày 06/12/2020 âm lịch, hội tháng 2.000.000 đồng, có 41 phần hội. Bà C1 tham gia 01 phần tên C1 và đã hót hội, nhưng không nhớ hót lần thứ mấy. Dây hội này bà C1 còn nợ lại bà C 18 lần hội chết chưa đóng với số tiền 36.000.000 đồng. Lý do không đóng là bà C ngưng khai hội. Đối với việc bà C cho rằng bà mượn tên R1 1 phần, H 2 phần và C2 1 phần để hót hội là không đúng, dây hội này bà R1 có chơi 1 phần do bà R1 tự chơi, còn H và C2 có chơi hay không bà C1 không biết.

- Đối với dây hội thứ 3 trong đơn khởi kiện mở ngày 06/02/2021 âm lịch, hội vù 10.000.000 đồng, có 21 phần hội, một năm mở hội 3 lần. Bà C1 tham gia 01 phần tên

C1. Dây hụi này bà C1 đã hốt hụi lần thứ 5, sau đó bà C1 không đóng hụi chết, lý do bà C ngưng khui hụi. Dây hụi này bà C1 thừa nhận còn nợ bà C 16 lần hụi chết là 160.000.000 đồng.

- Đối với dây hụi thứ 4 trong đơn khởi kiện mở ngày 25/8/2021 âm lịch, hụi tháng 2.000.000 đồng, có 34 phần hụi, bà C1 có tham gia 1 phần tên C1 và đã hốt dây hụi này nhưng không nhớ hốt lần thứ mấy. Bà C1 còn nợ bà C 19 lần hụi chết là 38.000.000 đồng. Lý do bà không đóng hụi vì bà C ngưng khui hụi.

- Đối với dây hụi thứ 5 trong đơn khởi kiện mở ngày 25/9/2021 dương lịch, hụi tháng 5.000.000 đồng, có 18 phần hụi, bà C1 có tham gia 1 phần tên C1. Dây hụi này bà C1 chưa hốt và đã đóng được 14 lần hụi sống với số tiền 49.000.000 đồng, nhưng yêu cầu bà C trả theo tiền lời của mỗi lần đóng hụi là 5.000.000 đồng x 14 lần = 70.000.000 đồng. Đối với phần hụi tên H, bà C cho rằng bà C1 mượn tên để tham gia là không đúng.

- Đối với dây hụi thứ 6 trong đơn khởi kiện khui ngày 06/6/2022 âm lịch, hụi vù 10.000.000 đồng, một năm mở hụi 3 lần mà bà C yêu cầu thì bà C1 không tham gia dây hụi này nên không thống nhất với yêu cầu của bà C.

- Đối với dây hụi thứ 7 trong đơn khởi kiện mở ngày 15/7/2022 âm lịch, hụi tháng 3.000.000 đồng thì bà C1 có tham gia 1 phần tên C1. Dây hụi này bà C1 chưa hốt và đã đóng hụi sống được 4 lần thì bà C ngưng khui và hứa trả vốn lại cho hụi viên nhưng đến nay vẫn chưa trả. Bà C1 đã đóng 04 lần hụi sống là 8.000.000 đồng, nhưng yêu cầu bà C trả theo tiền lời mỗi lần đóng hụi là 3.000.000 đồng x 4 lần = 12.000.000 đồng.

- Đối với dây hụi thứ 8, hụi tháng 2.000.000 đồng, mở ngày 20/7/2020 âm lịch, có 44 thành viên, bà C yêu cầu bà C1 trả cho bà C tổng số tiền hụi 498.420.000 đồng vì cho rằng dây hụi này bà C1 tham gia 06 phần, trong đó bà C1 1 phần, H 02 phần, Sung 01 phần, T 01 phần, Sao, T1 (N) 02 phần, bà C1 đã hốt hết 06 phần và yêu cầu trả lại. Bà C1 có ý kiến như sau:

Bà C1 chỉ thừa nhận tham gia 01 phần hụi tên C1 chứ không mượn tên của 05 người còn lại (H, S, T, Sao, N (Thôn)) để chơi hụi và hốt hụi. Bà C1 thừa nhận dây hụi này bà C1 đã hốt và đóng hụi đến lần thứ 28 thì ngưng đóng nên còn nợ lại 16 lần hụi chết là 32.000.000 đồng.

Đối với các biên nhận tiền bà C cung cấp để làm cơ sở khởi kiện bà C1 thì bà C1 cho rằng chữ ký và chữ viết là của bà nhưng không phải ký để nhận tiền hụi mà bà C nhờ bà ký tên để làm hồ sơ cho hội phụ nữ nên bà ký cho bà C một xấp giấy tờ mà không xem nội dung. Riêng chữ ký trong biên nhận tên Võ Thị Kim T thì không phải

chữ ký, chữ viết của bà C1. Các biên nhận tiền hụi bà C ghi không đúng ngày nhận tiền, nội dung không đầy đủ và nhiều biên nhận tính sai số tiền là không phù hợp.

Ý kiến của bà C trước yêu cầu phản tố của bà C1: Bà C cho rằng bà C1 đã hốt 01 dây hụi 5.000.000 đồng (dây hụi thứ 5) có biên nhận nhận tiền nên không đồng ý trả lại tiền hụi theo yêu cầu của bà C1 là 70.000.000 đồng; Đối với dây hụi 3.000.000 đồng (dây hụi thứ 7), bà C đồng ý trả lại cho bà C1 04 lần đóng hụi sống là 12.000.000 đồng. Về các biên nhận giao tiền hụi, bà C cho rằng khoảng 10 ngày sau khi mở hụi mới giao tiền hụi nhưng bà ghi biên nhận là ngày mở hụi để dễ theo dõi, về nội dung biên nhận không ghi đầy đủ là do bà ghi vắn tắt, về một số biên nhận tính sai số tiền là do bà lớn tuổi, tự tính nhầm nên có sai sót.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà Võ Thị Kim T trình bày: Bà T có tham gia 01 dây hụi tháng 2.000.000 đồng mở ngày 20/7/2020 do bà C làm đầu thảo, dây hụi này bà T trực tiếp chơi và không nhờ bà C1 hốt hụi, dây hụi này bà T đã khởi kiện bà C và đã được giải quyết xong. Ngoài dây hụi này ra bà T không có tham gia dây hụi nào nữa và cũng không có nhờ bà C1 chơi hụi dùm. Bà T không có yêu cầu gì trong vụ án.

Ông Nguyễn Thái H trình bày: Ông H có tham gia 02 dây hụi do bà C làm đầu thảo gồm hụi tháng 2.000.000 đồng mở ngày 20/7/2020, dây hụi này ông H trực tiếp chơi và không nhờ bà C1 hốt hụi, dây hụi này ông H đã khởi kiện bà C và đã được giải quyết xong. Dây hụi thứ 2 là hụi tháng 3.000.000 đồng mở hụi ngày 15/7/2022 và dây hụi này ông H cũng trực tiếp chơi với bà C, không nhờ bà C1 chơi dùm hoặc hốt dùm. Dây hụi này bà C vẫn còn nợ ông H tiền hụi sống đã đóng 04 lần nhưng giữa ông H với bà C tự thỏa thuận với nhau, ông H không có yêu cầu gì trong vụ án này. Ngoài 02 dây hụi trên, ông H không nhờ bà C1 chơi dùm dây hụi nào khác do bà C làm đầu thảo. Ông H tham gia rất nhiều dây hụi do bà C làm đầu thảo và tham gia từ năm 2019 đến nay và các dây hụi đã mãn, ông H luôn là người trực tiếp chơi hụi chứ không nhờ ai chơi hụi dùm. Các lần ông hốt hụi trước đây thì bà C không yêu cầu ông ký biên nhận nhận tiền, chỉ ghi số tiền được hốt vào một tờ giấy để ông kiểm tra có đúng số tiền hay không.

Ông Phạm Lâm S trình bày: Ông S là con ruột của bà C1, ông có tham gia 01 dây hụi tháng 2.000.000 đồng khai ngày 20/7/2020 do bà C làm đầu thảo, dây hụi này ông S trực tiếp chơi và thỉnh thoảng có nhờ bà C1 đóng hụi dùm nhưng không nhờ bà C1 hốt hụi dùm, dây hụi này ông S chưa hốt, do bà C ngưng khai hụi nên ông đã khởi kiện bà C và đã được Tòa án giải quyết xong. Ông S không còn tham gia dây hụi nào khác và không có yêu cầu gì trong vụ án.

Ông Phạm Hùng C2 trình bày: Ông C2 là em chồng của bà C1, từ trước đến nay ông không có tham gia dây hội nào do bà C làm đầu thảo và cũng không nhờ bà C1 chơi hội hoặc hót hội dùm. Ông C2 không có yêu cầu gì trong vụ án.

Bà Trần Thị Kim R1 trình bày: Bà R1 là em ruột của bà C1, bà có tham gia hội do bà C làm đầu thảo nhưng chỉ tham gia 01 dây mở ngày 10/02/2020 (âm lịch), hội tháng 2.000.000 đồng, có 39 hội viên, bà tham gia 01 phần đã hót và dây hội đã mãn. Dây hội này giữa bà với bà C đã thực hiện xong việc đóng hội và giao hội, không có tranh chấp.

Đối với dây hội tháng 2.000.000 đồng mở ngày 06/12/2020 âm lịch bà C cho rằng bà C1 ghi tên bà (Reo) để tham gia 01 phần hội và đã hót hội thì bà R1 khẳng định dây hội này bà không có tham gia và cũng không có nhờ bà C1 chơi dùm.

Bà Trần Thị N (tên thường gọi là T1) trình bày: Bà có tham gia 01 dây hội do bà C làm đầu thảo, hội tháng 2.000.000 đồng, có 44 hội viên, mở ngày 20/7/2020 (âm lịch), dây hội này bà tham gia 02 phần tên trong danh sách hội là S1 (tên con gái bà) và T1 (N) là tên bà nhưng đều là hội do bà trực tiếp chơi, bà đã hót hội 01 phần tên Sao, còn phần tên T1 (N) chưa hót. Bà C nói giữ lại 01 phần đến gần xuống chót mới cho bà hót. Bà N không nhớ hót lần thứ mấy, chỉ nhớ hót khoảng lần mở hội thứ 6, nhận được số tiền khoảng hơn 40.000.000 đồng. Hót xong bà đóng hội cho bà C đến lần thứ 28 thì bà C ngưng mở hội. Dây hội này giữa bà và bà C tự tính toán hội chết, hội sống với nhau, bà không có tranh chấp hay yêu cầu gì trong vụ án. Ngoài dây hội này, bà N không còn tham gia dây hội nào do bà C làm đầu thảo. Bà N không có nhờ bà Trần Thị C1 chơi dùm bà dây hội nào do bà C làm đầu thảo. Thỉnh thoảng bà N có nhờ bà C1 đóng hội dùm cho bà C một vài lần. Về việc bà C cho rằng bà C1 mượn tên bà N và con bà tên S1 trong dây hội trên để hót là không hợp lý vì bà và bà C, bà C1 đều là người cùng ấp, bà trực tiếp chơi hội với bà C và đã hót 01 phần thì không thể nào bà C lại cho bà C1 mượn tên phần hội của bà để hót lần nữa.

Về cách thức chơi hội, các đương sự trình bày: Đối với mỗi dây hội thì người nào bỏ hội cao nhất sẽ được hót, chủ hội có trách nhiệm gom hội và khoảng 10 ngày sau sẽ giao hội cho người được hót, tiền hoa hồng của đầu thảo là một nửa số tiền mỗi dây hội hoặc ít hơn. Khi chủ hội giao tiền hội có người có ký biên nhận, có người không ký biên nhận mà chủ hội chỉ ghi số tiền được hót để người hót hội kiểm tra lại. Người hót hội có người ký tên vào sổ hội của đầu thảo, có người không ký tên.

Người làm chứng, bà Nguyễn Thị N1 trình bày: Bà N1 không có quan hệ họ hàng với các đương sự, là người cùng ấp với bà C và bà C1. Trước đây, từ năm 2013 đến nay bà Nguyễn C3 tham gia nhiều dây hội do bà C làm đầu thảo và hội đã mãn. Thời điểm

hiện tại bà có tham gia 02 dây hui vụ 10.000.000 đồng mở ngày 06/6/2021 (có 21 thành viên) và 06/02/2022 (có 18 thành viên), mở theo ngày âm lịch đều có bà C1 tham gia, cả 02 dây hui này bà C1 đều đã hót hui. Đối với dây hui mở ngày 06/02/2022 thì bà N1 khẳng định bà C1 là người hót hui đầu tiên và bà C1 có xin danh sách hui của bà. Còn bà N1 là người hót thứ 2, sau đó thì hui ngưng. Trong danh sách hui có tên của bà và bà C1.

Tại phiên tòa, bà Trương Thị C rút một phần yêu cầu và thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể:

Rút yêu cầu về việc buộc bà C1 trả lại số tiền bà C1 mượn tên T để hót hui đối với dây hui tháng 2.000.000 đồng mở ngày 20/07/2020 âm lịch (Dây hui thứ 8) với số tiền hót hui 57.120.000 đồng và tiền hui chết 16 lần chưa đóng là 32.000.000 đồng. Bà C rút lại yêu cầu để củng cố chứng cứ do bà C1 không thừa nhận chữ ký, chữ viết trong biên nhận tiền đối với phần hui tên Võ thị Kim T.

Rút yêu cầu về việc buộc bà C1 trả tiền hui đối với dây hui tháng 3.000.000 đồng mở ngày 15/7/2022 âm lịch (Dây hui thứ 7) bà C1 đã hót hui và còn 29 phần hui chết chưa đóng số tiền 87.000.000 đồng. Lý do, đơn khởi kiện bà C ghi chưa đầy đủ, thực tế bà C1 tham gia 03 phần gồm 01 phần tên C1 và 02 phần tên H, bà C1 đã hót 01 phần tên H, còn lại 02 phần tên C1 và tên H là hui sống. Dây hui mở được 04 lần thì ngưng.

Thay đổi yêu cầu đối với dây hui vụ 10.000.000 đồng, một năm mở hui 03 lần, mở hui lần đầu ngày 06/6/2022 (dây hui thứ 6), theo đơn khởi kiện bà C yêu cầu bà C1 trả 170.000.000 đồng hui chết, nay chỉ yêu cầu bà C1 trả lại tiền hui đã hót là 86.940.000 đồng.

Thay đổi yêu cầu đối với dây hui thứ 8: Dây hui tháng 2.000.000 đồng, mở ngày 20/07/2020 âm lịch, có 44 thành viên, không yêu cầu bà C1 trả 128.000.000 đồng tiền hui chết của 4 phần hui hót thay cho S, H, S1, T1 (N).

Hai bên thống nhất được tiền hui bà C1 nợ bà C tổng cộng: 274.000.000 đồng (gồm: Dây 1: 8.000.000 đồng; Dây 2: 36.000.000 đồng; Dây 3: 160.000.000 đồng; Dây 4: 38.000.000 đồng và dây 8: 32.000.000 đồng).

Bà C1 giữ nguyên ý kiến đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và yêu cầu phản tố.

Bà C đồng ý trả lại bà C1 12.000.000 đồng của dây hui thứ 7 (hui tháng 3.000.000 mở ngày 15/7/2022). Đồng ý dây hui này đã ngưng và bà C1 đã đóng 04 lần hui sống.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2025/DS-ST, ngày 28-8-2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Tây Ninh quyết định:

Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 217, 218, 227, 228 và 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Các điều 357, 471 Bộ luật Dân sự; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ quy định về họ, họ, họ, họ, họ; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị C đối với bà Trần Thị C1 với tổng số tiền 176.120.000 đồng (gồm đây 7: họ tháng 3.000.000 đồng mở ngày 15/7/2022 âm lịch có 30 phần họ, số tiền rút yêu cầu là 87.000.000 đồng; đây 8: họ tháng 2.000.000 đồng mở ngày 20/7/2020 âm lịch có 44 phần họ, số tiền rút yêu cầu là số tiền 89.120.000 đồng). Bà C được quyền khởi kiện lại nội dung đã rút yêu cầu theo quy định của pháp luật.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị C về việc “Tranh chấp hợp đồng góp họ” với bà Trần Thị C1.

Buộc bà Trần Thị C1 có nghĩa vụ trả cho bà Trương Thị C tổng số tiền họ là 658.240.000 đồng.

- Bác yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị C đối với bà Trần Thị C1 đối với một phần yêu cầu của đây họ số 2: họ tháng 2.000.000 đồng mở ngày 06/12/2020 âm lịch có 41 phần họ, với số tiền yêu cầu là 144.000.000 đồng.

- Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Trần Thị C1 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp họ” với bà Trương Thị C.

Buộc bà Trương Thị C có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị C1 12.000.000 đồng tiền họ (đây họ thứ 7: họ tháng 3.000.000 đồng mở ngày 15/7/2022 âm lịch có 30 phần họ).

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị C1 đối với bà Trương Thị C về việc bà C1 yêu cầu bà C trả lại 70.000.000 đồng của đây họ thứ 5 (họ tháng 5.000.000 đồng, mở ngày 25/9/2021 dương lịch có 18 phần họ).

- Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 03/2023/QĐ-BPKCTT ngày 07/11/2023 và Quyết định số 01/2025/QĐ-BPKCTT ngày 21/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9-Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh) về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản

của người có nghĩa vụ. (Trong đó Quyết định áp dụng biên pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2023/QĐ-BPKCTT ngày 07/11/2023 đã được hủy bỏ một phần theo Quyết định hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2025/QĐ-BPKCTT ngày 20/5/2025).

Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm trả, nghĩa vụ thi hành và quyền kháng cáo.

Ngày 15-9-2025, bà Trần Thị C1 nộp đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu phản tố của bà, buộc bà Trương Thị C trả cho bà C1 số tiền hui 70.000.000 đồng của dây hui thứ 5 (dây hui tháng 5.000.000 đồng mở ngày 25/09/2021 DL có 18 phần) và bà C1 chấp nhận nợ bà C số tiền hui là 274.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Trần Thị C1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Luật sư Nguyễn Hoàng L bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà C1 trình bày: Bà C1 trình bày việc bà ký tên vào các giấy trắng do bà C đưa còn nội dung thì do bà C ghi – bà chất ghi giao tiền hui cho bà C1 là không đúng, vì bà C1 không chơi hui hay hốt hui thay cho các hui viên khác. Việc các hui viên khác tự tham gia chơi hui với bà C, bà C không đăng hui đã được các hui viên khác khởi kiện và Tòa án đã giải quyết xong. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà C1, sửa bản án sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa Phúc thẩm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm thẩm chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn; các đương sự đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bà Trần Thị C1, sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc bà C1 trả cho bà C số tiền hui còn nợ là 274.000.000 đồng, không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà C1 về việc yêu cầu bà C trả số tiền hui 70.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Ngày 28-8-2025 Tòa án nhân dân khu vực 9 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm vụ kiện, ngày 15-9-2025 bị đơn bà Trần Thị C1 nộp đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, kháng cáo trong hạn luật định, nên vụ án được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị C1:

[2.1] Bà C1 kháng cáo cho rằng không chơi hội và hốt hội giùm cho các hội viên gồm: Bà Võ Thị Kim T, ông Nguyễn Thái H, ông Phạm Lâm S, ông Phạm Hùng C2, bà Phạm Thị R và bà Trần Thị N.

Nội dung kháng cáo cụ thể liên quan đến các dây hội sau:

+ Dây hội thứ 1: Dây hội thàng 2.000.000 đồng, mở ngày 10/02/2020 âm lịch. Bà C cho rằng bà C1 tham gia 02 phần, 01 phần tên C1 và 01 phần tên R và bà C1 đã hốt cả 02 phần hội này, còn thiếu bà C 16.000.000 đồng hội chết. Bà C1 thừa nhận có tham gia dây hội và chỉ tham gia 01 phần tên C1, thống nhất đã hốt hội và đồng ý trả tiền hội chết cho bà C 8.000.000 đồng, không thừa nhận hốt giùm bà R (8.000.000 đồng).

+ Dây hội thứ 5: Dây hội thàng 5.000.000 đồng, mở ngày 25/9/2021 dương lịch. Bà C cho rằng bà C1 tham gia 02 phần, 01 phần tên bà C1 và 01 phần tên H. Cả 02 phần hội này bà C1 đều đã hốt và còn nợ 4 lần hội chết chưa đóng là 40.000.000 đồng. Bà C1 thừa nhận có tham gia dây hội này nhưng chỉ tham gia 01 phần và chưa hốt hội, đã đóng 14 lần hội sống nên yêu cầu bà C trả lại số tiền 70.000.000 đồng.

+ Dây hội thứ 6: Dây hội vự 10.000.000 đồng, mở ngày 06/6/2022 âm lịch. Bà C cho rằng bà C1 tham gia 01 phần và đã hốt hội lần đầu tiên, bà C đã giao bà C1 số tiền 86.940.000 đồng, yêu cầu trả 86.940.000 đồng. Bà C1 cho rằng không tham gia và không hốt hội.

+ Dây hội thứ 8: Dây hội thàng 2.000.000 đồng, có 44 phần mở vào ngày 20/07/2020 âm lịch, bà C cho rằng bà C1 tham gia 06 phần gồm 01 phần tên bà C1 và 05 phần có tên T, S, H, Sao, T1 (N) và đã lần lượt hốt tất cả 06 phần hội, đóng hội đến lần 28 thì ngưng. Theo đơn khởi kiện ban đầu, bà C yêu cầu bà C1 trả cho bà tổng số tiền của dây hội này là 498.420.000 đồng. Tuy nhiên, quá trình hòa giải và tại phiên tòa, bà C rút yêu cầu khởi kiện đối với phần hội tên R với số tiền rút yêu cầu là 89.120.000 đồng, thay đổi yêu cầu đối với phần yêu cầu bà C1 đóng hội chết của 04 phần hội mượn tên: H, S, Sao, T1 để hốt hội là 128.000.000 đồng (32.000.000 đồng x 4). Bản án sơ thẩm tuyên buộc bà C1 có nghĩa vụ trả 32.000.000 đồng (phần bà C1) và các phần hội đã hốt giùm phần tên H (57.100.000 đồng), S (66.080.000 đồng), Sao (54.920.000 đồng), T1 (71.200.000 đồng). Tổng cộng buộc bà C1 trả bà C trong dây hội này là 281.300.000 đồng. Bà C1 chỉ đồng ý trả 32.000.000 đồng, cho rằng không hốt hội thay.

Bà C1 xác định có tham gia 07 dây hội mà bà C là chủ hội đã hốt hội và còn nợ tiền hội chưa đóng cho bà C là 274.000.000 đồng.

Bà C khởi kiện và cung cấp các biên nhận hội, tuy nhiên bà C1 không thừa nhận và cho rằng việc ký các biên nhận trên là do bà C nhờ bà ký hồ sơ, giấy tờ trong Hội phụ nữ nên bà có ký cho bà C một xấp giấy tờ mà không xem nội dung, không phải ký để nhận tiền hội.

Qua lời trình bày của các đương sự và xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án thấy rằng: Những phần hội mà bà C cho rằng bà C1 hốt hội giùm, tuy nhiên những

hội viên này như: bà R, ông H, ông S, bà T,... đều xác định họ trực tiếp tham gia chơi hội với bà C, không thông qua bà C1 và không nhờ bà C1 hốt hội giùm.

Xem xét các biên nhận hội do bà C cung cấp thấy rằng: Biên nhận được lập bằng giấy tập học sinh, có cùng một đặc điểm là bà C1 ký tên ở góc phải tờ giấy còn lại các nội dung đều do bà C viết, kể cả họ và tên của bà C1. Xét về nội dung Biên nhận tiền hội có nhiều điểm không phù hợp như: Về thời gian giao tiền, ngày ghi trên biên nhận trùng với ngày khai hội là không thực tế, vì theo quy định thông thường của các dây hội này, tiền hội chỉ được giao sau khoảng 10 ngày kể từ ngày khai để chủ thảo có thời gian đi thu gom tiền từ các hội viên khác. Không ghi rõ các thông tin quan trọng như số tiền bỏ hội, số hội viên còn sống, số hội viên đã hốt hội (chết) hay tiền hoa hồng của chủ thảo. Ngoài ra, cách viết biên nhận cũng không bình thường khi để *khoảng trống quá lớn* giữa nội dung và phần chữ ký phía dưới.

Từ những phân tích trên, xét thấy lời trình bày của bà C1 về việc không tham gia chơi hội và hốt hội giùm các hội viên khác có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ các biên nhận hội để xác định bà C1 đã nhận tiền đăng hội thay cho các hội viên khác và buộc bà C1 trả số tiền trên cho bà C là chưa xem xét, đánh giá toàn diện chứng cứ.

[2.2] Bà C1 kháng cáo yêu cầu bà C trả 70.000.000 đồng hội sống (dây hội thứ 5).

Bà C1 cho rằng đã đóng hội, chưa hốt nên yêu cầu bà C trả lại số tiền là 70.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà C1 không cung cấp được chứng cứ đóng hội, bà C không thừa nhận, do đó Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà C1 là có căn cứ. Bà C1 kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới nên không chấp nhận.

[3] Từ những phân tích trên, chấp nhận một phần kháng cáo của bà C1, đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận, sửa bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Do sửa bản án sơ thẩm nên cấp phúc thẩm xác định lại nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm dân sự; án phí phúc thẩm các đương sự không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, 309 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Trần Thị C1.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 12/2025/DS-ST, ngày 29-8-2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9-Tây Ninh.

Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 217, 218, 227, 228 và 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Các điều 357, 471 Bộ luật Dân sự; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ quy định về họ, hội, biểu, phường; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị C đối với bà Trần Thị C1 với tổng số tiền 176.120.000 đồng (gồm đây 7: hui tháng 3.000.000 đồng mở ngày 15/7/2022 âm lịch có 30 phần hui, số tiền rút yêu cầu là 87.000.000 đồng; đây 8: hui tháng 2.000.000 đồng mở ngày 20/7/2020 âm lịch có 44 phần hui, số tiền rút yêu cầu là số tiền 89.120.000 đồng). Bà C được quyền khởi kiện lại nội dung đã rút yêu cầu theo quy định của pháp luật.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị C về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hui” với bà Trần Thị C1.

Buộc bà Trần Thị C1 có nghĩa vụ trả cho bà Trương Thị C số tiền hui là 274.000.000 đồng.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị C đối với bà Trần Thị C1 về việc yêu cầu bà C1 trả số tiền hui là 528.240.000 đồng.

4. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Trần Thị C1 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hui” với bà Trương Thị C.

Buộc bà Trương Thị C có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị C1 12.000.000 đồng tiền hui (đây hui thứ 7: hui tháng 3.000.000 đồng mở ngày 15/7/2022 âm lịch có 30 phần hui).

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị C1 đối với bà Trương Thị C về việc bà C1 yêu cầu bà C trả lại 70.000.000 đồng của đây hui thứ 5 (hui tháng 5.000.000 đồng, mở ngày 25/9/2021 dương lịch có 18 phần hui).

5. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự là 10%/năm.

6. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 03/2023/QĐ-BPKCTT ngày 07/11/2023 và Quyết định số 01/2025/QĐ-BPKCTT ngày 21/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9-Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh) về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ. (Trong đó Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2023/QĐ-BPKCTT ngày 07/11/2023 đã được hủy bỏ một phần theo Quyết định hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2025/QĐ-BPKCTT ngày 20/5/2025).

7. Về án phí:

Án Phí sơ thẩm:

- Bà Trương Thị C thuộc đối tượng người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí nên được miễn tiền tạm ứng án phí và án phí.

- Buộc bà Trần Thị C1 phải chịu án phí là 17.200.000 đồng, cho khấu trừ 2.050.000 đồng tiền tạm ứng áp phí bà Trần Thị C1 đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9-Tây Ninh) theo biên lai thu tiền số 0004163 ngày 02/8/2023 sang tiền án phí; số tiền án phí bà C1 phải nộp tiếp 15.150.000 đồng.

Án Phí phúc thẩm:

Bà Trần Thị C1 không phải chịu, hoàn trả cho bà C1 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp ngày 15-9-2025 theo Biên lai thu số 0004279 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

9. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND. TTN;
- Phòng KTNV&THA;
- TAND khu vực 9-Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Hữu Chiến